

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2017/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 139/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2017/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 139/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.

Chương I

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ
142/2017/NĐ-CP NGÀY 11 THÁNG 12 NĂM 2017 CỦA CHÍNH PHỦ
QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
HÀNG HẢI ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ
123/2021/NĐ-CP NGÀY 28 THÁNG 12 NĂM 2021 CỦA CHÍNH PHỦ**

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 1

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và

thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả.”.

2. Bổ sung điểm p, q vào sau điểm o khoản 2 như sau:

“p) Vi phạm các quy định đối với hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

q) Vi phạm quy định về niêm yết thông tin về giá, phụ thu ngoài giá trong lĩnh vực hàng hải.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bao gồm: giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ không do cơ quan có thẩm quyền cấp và phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Ngoài các hình thức xử phạt được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải còn phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Chương II Nghị định này, bao gồm:

a) Buộc thay đổi, sửa tên cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước phù hợp với nguyên tắc đặt tên theo quy định;

Buộc bố trí đủ cán bộ an ninh cảng biển theo quy định;

Buộc có kế hoạch an ninh cảng biển đã được phê duyệt theo quy định;

Buộc thực hiện kiểm định chất lượng kết cấu hạ tầng bến cảng đúng thời hạn quy định hoặc sau sự cố va chạm, đâm va có ảnh hưởng đến kết cấu công trình hàng hải;

b) Buộc bố trí, lắp đặt trang thiết bị cứu sinh của tàu thuyền đúng quy định;

Buộc thiết lập đầy đủ báo hiệu hàng hải theo quy định hoặc thiết lập báo hiệu hàng hải phù hợp theo quy định;

Buộc di dời dăng đáy, lồng bè hoặc các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản trong vùng nước cảng biển không đúng vị trí quy định;

Buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng trái phép;

c) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi;

d) Buộc khắc phục hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyên đồ chất nạo vét trong thi công phải bảo đảm hoạt động sẵn sàng, liên tục;

đ) Buộc lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyên đồ chất nạo vét trong thi công;

Buộc phải có hoặc thực hiện hoặc thực hiện đúng phương án bảo đảm an toàn hàng hải đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

e) Buộc hạ phần hàng xếp vượt quá trọng tải cho phép chở của xe ô tô trong trường hợp xe ô tô được xếp hàng chưa rời khỏi khu vực xếp hàng;

g) Buộc xây dựng phương án bảo vệ công trình hàng hải hoặc buộc tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình hàng hải đã được phê duyệt;

Buộc xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo quy định;

h) Buộc thay đổi, sửa chữa tên cảng cạn đúng với tên do cơ quan có thẩm quyền công bố;

Buộc khai báo bổ sung và đính chính thông tin;

i) Buộc thanh toán phí, lệ phí hàng hải và các khoản tiền liên quan khác theo quy định;

Buộc hoàn trả chi phí trực vớt tài sản chìm đắm theo quy định;

k) Buộc di chuyển chướng ngại vật trên mặt cầu cảng về đúng nơi quy định;

Buộc di dời khỏi vùng hoạt động cho phù hợp với cấp tàu hoạt động;

l) Buộc cho rời tàu thuyền số người hoặc dỡ lên khỏi tàu thuyền số lượng hàng hóa chuyên chở vượt quy định;

Buộc tàu thuyền phải rời khỏi vị trí;

Buộc khôi phục nguyên trạng vị trí báo hiệu, kết cấu công trình nếu làm di chuyển vị trí hoặc ảnh hưởng đến kết cấu công trình báo hiệu;

m) Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với hành vi vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng;

Buộc làm thủ tục đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam theo quy định;

Buộc làm thủ tục xóa đăng ký tàu theo quy định;

n) Buộc khai báo đầy đủ, chính xác thông tin xuống, rời tàu và bố trí chức danh cho thuyền viên bằng phương thức điện tử vào Cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam theo quy định;

o) Buộc bố trí hoa tiêu hàng hải dẫn tàu phù hợp với giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải hoặc giấy chứng nhận vùng hoạt động của hoa tiêu hàng hải;

Buộc cung cấp đầy đủ, kịp thời dịch vụ hoa tiêu dẫn tàu trong vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc trên tuyến dẫn tàu được giao;

Buộc sử dụng hoặc bố trí đủ phương tiện đưa, đón hoa tiêu theo quy định hoặc sử dụng phương tiện đưa, đón hoa tiêu bảo đảm điều kiện an toàn;

Buộc bố trí đủ số lượng hoa tiêu hoặc phương tiện tối thiểu theo quy định;

p) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số lượng pháo hiệu hàng hải đã được nhập khẩu;

q) Buộc bố trí thời gian nghỉ ngơi cho thuyền viên theo quy định;

Buộc cung cấp nhu yếu phẩm, lương thực thực phẩm cho thuyền viên làm việc trên tàu;

Buộc cung cấp kinh phí cho thuyền viên hồi hương;

Buộc thực hiện trách nhiệm của chủ tàu đối với thuyền viên bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

Buộc mua bảo hiểm bắt buộc cho thuyền viên làm việc trên tàu;

Buộc bố trí đưa thuyền viên hồi hương theo thời gian quy định;

r) Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường trong trường hợp có vi phạm để xảy ra tràn dầu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành;

Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm;

Buộc phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra theo quy định trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

s) Buộc niêm yết hoặc niêm yết đúng danh sách tổ chức, cá nhân đã ký hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng biển và giá dịch vụ thu gom, xử lý chất thải theo quy định;

Buộc báo cáo về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng biển theo quy định;

Buộc thực hiện khai báo hoặc khai báo đúng với Cảng vụ hàng hải về chất thải theo quy định;

Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường từ chất thải rơi vãi, gây phát tán, rò rỉ trong quá trình thu gom chất thải từ tàu thuyền;

Buộc thực hiện những biện pháp khắc phục các quy định ngăn ngừa ô nhiễm do tàu thuyền gây ra;

Buộc thực hiện những biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường và vi phạm quy định về quản lý, kiểm soát nước dằn, cặn nước dằn của tàu thuyền;

t) Buộc giao kết lại hợp đồng lao động thuyền viên phù hợp với giấy phép lao động;

Buộc thuyền viên phải rời tàu;

Buộc cải chính thông tin về vị trí, tình trạng của tàu thuyền đang hoạt động khi có thiên tai;

Buộc thực hiện việc kiểm tra, xử lý y tế;

Buộc quay lại tàu hoặc khu vực cách ly y tế;

Buộc thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế, xử lý y tế đối với người, tàu thuyền, hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.

u) Buộc nộp lại giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy đó.”.

Điều 3. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4

“Điều 4a. Thi hành các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả

1. Việc thi hành các hình thức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có) để thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật và phải chịu mọi chi phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đó.

3. Đối với biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung, cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung theo quy định tại Điều 85 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Người có thẩm quyền ra quyết định thi hành biện pháp khắc phục hậu quả chuyên giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, chứng chỉ, giấy tờ đó.

4. Đối với biện pháp khắc phục hậu quả buộc thanh toán phí, lệ phí hàng hải và các khoản tiền liên quan khác theo quy định:

a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải hoặc đường thủy nội địa nơi tàu thuyền rời cuối cùng để thực hiện việc xác định phí, lệ phí hàng hải và các khoản tiền liên quan khác theo quy định phải nộp.

b) Cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm thông báo kết quả thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7

“Điều 7. Vi phạm quy định về công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi khai báo sai lệch thông tin trong hồ sơ đề nghị công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự trong hồ sơ đề nghị công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ không do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa làm

sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ đó đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8

“Điều 8. Vi phạm quy định về đặt tên, đổi tên cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi đặt tên, đổi tên cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước không phù hợp với nguyên tắc đặt tên theo quy định hoặc không thông báo bằng văn bản về việc đặt tên, đổi tên cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước cho các cơ quan quản lý chuyên ngành hàng hải theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thay đổi, sửa tên cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước phù hợp với nguyên tắc đặt tên theo quy định đối với hành vi đặt tên, đổi tên cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước không phù hợp với nguyên tắc đặt tên theo quy định tại khoản 1 Điều này.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 5 Điều 10

“e) Bố trí cán bộ an ninh cảng biển không theo quy định.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 12

1. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau:

“e) Nuôi trồng thủy sản trong vùng nước cảng biển khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc không đúng vị trí hoặc không đúng thời gian đã được cấp phép.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 8 như sau:

“b) Buộc thiết lập đầy đủ báo hiệu hàng hải theo quy định hoặc thiết lập báo hiệu hàng hải phù hợp theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 8 như sau:

“c) Buộc di dời đặng đáy, lồng bè hoặc các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản trong vùng nước cảng biển không đúng vị trí quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e và điểm g khoản 1 Điều này;”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 8 Điều 12 như sau:

“d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 2 Điều này;”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 19

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 như sau:

“c) Thu hồi, khai thác khoáng sản trái phép trên luồng hàng hải, phạm vi bảo vệ luồng hàng hải, vùng nước cảng biển;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 như sau:

“b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và điểm a, b, d khoản 4 Điều này.”.

Điều 9. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 1 Điều 28

“c) Không báo cáo về tình hình hoạt động của khu vực cảng cạn theo quy định.”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 32

“b) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ giấy tờ về hàng hóa nguy hiểm được vận chuyển trên tàu hoặc không khai báo đầy đủ các thông tin và số lượng hàng hóa nguy hiểm trong Bản khai hàng hóa nguy hiểm theo quy định;”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 33

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi bôi lợi hoặc làm mất trật tự công cộng trong khu vực cảng.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 12 như sau:

“b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 10 Điều này;”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 13 như sau:

“13. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc di chuyển chướng ngại vật trên mặt cầu cảng về đúng nơi quy định do vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

b) Buộc bố trí, lắp đặt trang thiết bị cứu sinh của tàu thuyền đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 6 Điều này;

c) Buộc di dời khỏi vùng hoạt động cho phù hợp với cấp tàu hoạt động đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 10 Điều này.”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 36

“3. Đối với hành vi thuyền viên trong ca trực mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn sẽ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với thuyền viên trong ca trực mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/01 lít khí thở;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với thuyền viên trong ca trực mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/01 lít khí thở;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với thuyền viên trong ca trực mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/01 lít khí thở.”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 40

“Điều 40. Vi phạm quy định về đăng ký, xóa đăng ký; sử dụng các giấy chứng nhận của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn khoan di động

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện đăng ký thay đổi theo quy định;

b) Không thực hiện đăng ký thay đổi chủ sở hữu sau khi đã được mua, bán, chuyển quyền sở hữu;

c) Không thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận định biên an toàn tối thiểu khi thay đổi doanh nghiệp quản lý, khai thác;

d) Khai báo sai lệch thông tin; sử dụng giấy tờ tẩy xóa, sửa chữa hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Chủ tàu biển Việt Nam không gửi bản sao Giấy chứng nhận đăng ký về Cơ quan đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam để quản lý khi tàu biển đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài;

e) Không đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam theo quy định đối với tàu biển được mua, đóng mới của doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước;

g) Không thực hiện xóa đăng ký theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Khai thác tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn khoan di động khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký;

b) Sử dụng một trong các giấy chứng nhận của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn khoan di động khác hoặc giấy chứng nhận bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc giấy chứng nhận không do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc giấy chứng nhận đã hết hiệu lực.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu giấy tờ không do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

b) Tịch thu giấy chứng nhận của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn khoan di động khác hoặc giấy chứng nhận không do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy tờ đó đối với hành vi vi phạm tại điểm d khoản 1 Điều này;

b) Buộc làm thủ tục đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 1 Điều này;

c) Buộc làm thủ tục xóa đăng ký tàu theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều này;

d) Buộc nộp lại giấy chứng nhận bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy tờ đó đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 2 Điều này.”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 42

“Điều 42. Vi phạm quy định về bố trí thuyền viên, sử dụng chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không ghi hoặc ghi không đầy đủ, chính xác thông tin trong sổ thuyền viên theo quy định;

b) Không mang theo đầy đủ chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên khi làm việc trên tàu biển theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Bố trí thuyền viên làm việc trên tàu thuyền không có đủ chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên hoặc có chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề nhưng hết hiệu lực hoặc bố trí chức danh thuyền viên không phù hợp với chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề của thuyền viên;

b) Giao nhiệm vụ cho thuyền viên làm việc trên tàu biển không phù hợp với chức danh trong sổ thuyền viên;

c) Không thực hiện việc khai báo hoặc khai báo không chính xác thông tin xuống, rời tàu và việc bố trí chức danh cho thuyền viên bằng phương thức điện tử vào Cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc đã bị sửa chữa, tẩy xóa;

b) Sử dụng chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên của người khác để làm việc trên tàu thuyền;

c) Khai báo sai lệch thông tin hoặc sử dụng giấy tờ sửa chữa, tẩy xóa hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ chuyên môn có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên (trừ chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên bị sửa chữa, tẩy xóa) đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khai báo đầy đủ, chính xác thông tin xuống, rời tàu và bố trí chức danh cho thuyền viên bằng phương thức điện tử vào Cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy tờ đó đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm c khoản 4 Điều này.”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 46

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Sử dụng một trong các giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự trong hồ sơ xin cấp giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ kinh doanh có điều kiện.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm.”.

3. Bổ sung khoản 6 sau khoản 5 như sau:

“6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đó đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này.”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 47

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Sử dụng một trong các giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự trong hồ sơ đề nghị giao tuyến dẫn tàu hoặc hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải;”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số lượng pháo hiệu hàng hải đã được nhập khẩu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và điểm i khoản 3 Điều này;

b) Buộc nộp lại giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải đó đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này.”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Điều 56

“Điều 56. Vi phạm quy định về đào tạo, huấn luyện thuyền viên

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không tiếp nhận và tạo điều kiện thuận lợi cho học viên thực tập trên tàu biển theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện đúng quy chế tuyển sinh;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nội dung, chương đào tạo, huấn luyện theo khung chương trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

c) Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn thực hành không đúng quy định;

d) Thiếu một trong những trang, thiết bị phục vụ huấn luyện, đào tạo theo quy định hoặc trang, thiết bị không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật;

đ) Không thực hiện đúng quy chế thi, kiểm tra đối với học viên;

e) Tổ chức đào tạo tại địa điểm không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thiếu 01 giảng viên hoặc huấn luyện viên hoặc giảng viên, huấn luyện viên không có Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính hoặc chứng chỉ tương đương theo quy định.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sau đây:

a) Thiếu từ 02 giảng viên hoặc huấn luyện viên hoặc giảng viên, huấn luyện viên không có Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính hoặc chứng chỉ tương đương trở lên theo quy định;

b) Cho phép học viên không đủ tiêu chuẩn, điều kiện tuyển sinh theo quy định tham gia khóa đào tạo, huấn luyện.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.”.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 58b

“4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do tàu thuyền gây ra đối với hành vi vi phạm tại điểm d khoản 1 và khoản 3 Điều này.”.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Điều 58k

“Điều 58k. Vi phạm quy định về phòng ngừa thiên tai và ứng phó thiên tai

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không chuẩn bị hoặc chuẩn bị không đầy đủ nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai theo phương án ứng phó thiên tai được phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Cung cấp thông tin sai lệch về vị trí, tình trạng của tàu thuyền đang hoạt động khi có thiên tai;

b) Không tuân thủ quy định về phòng, chống thiên tai đối với tàu thuyền.

3. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi không sẵn sàng thực hiện yêu cầu của Cảng vụ hàng hải về việc điều động các phương tiện tham gia khắc phục hậu quả thiên tai.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin về vị trí, tình trạng của tàu thuyền đang hoạt động khi có thiên tai đối với hành vi vi phạm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.”.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 14 Chương II

“Mục 14. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH TRUYỀN NHIỄM TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI; VI PHẠM QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, THANH TRA, KIỂM TRA, XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI”

Điều 21. Bổ sung Điều 58m vào sau Điều 58l

“Điều 58m. Vi phạm quy định khi có hoạt động kiểm tra, thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự đối với người đang thi hành công vụ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện việc báo cáo, kê khai hoặc báo cáo, kê khai không trung thực, không đúng thời hạn theo yêu cầu của người thi hành công vụ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Trì hoãn, trốn tránh, không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, không đúng thời hạn thông tin, tài liệu liên quan đến việc thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính của người thi hành công vụ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Gây khó khăn, không hợp tác hoặc cản trở công tác của đoàn, tổ kiểm tra, thanh tra hoặc người được giao nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra, thực thi công vụ trong lĩnh vực hàng hải;

d) Không cử đại diện có thẩm quyền theo quy định của pháp luật tham gia buổi công bố quyết định thanh tra, kiểm tra hoặc không cử đại diện có thẩm quyền làm việc với đoàn thanh tra, kiểm tra.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tự ý tháo gỡ niêm phong tài liệu, tang vật, phương tiện, nhà kho, trang thiết bị vi phạm đang bị niêm phong; tạm giữ hoặc tẩu tán tài liệu, tang vật vi phạm, tự ý làm thay đổi hiện trường vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Trì hoãn, trốn tránh không thi hành quyết định thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực hàng hải của người hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Không thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung và yêu cầu trong kết luận kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực hàng hải của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”.

Điều 22. Bổ sung Điều 58n vào sau Điều 58m

“Điều 58n. Kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử

1. Khi thông tin của các giấy tờ gồm: bản chính giấy chứng nhận đăng ký tàu thuyền hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký tàu thuyền và Giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực (đối với trường hợp tàu thuyền được thế chấp), các loại giấy chứng nhận, giấy tờ khác của tàu thuyền theo quy định của pháp luật, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn đã được tích hợp, cập nhật trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, trong cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý thì thực hiện việc kiểm tra thông qua thông tin trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu; việc kiểm tra thông tin của giấy tờ trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu có giá trị như kiểm tra bản chính giấy tờ đó.

2. Tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ

a) Khi tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ, người có thẩm quyền thực hiện việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ trên môi trường điện tử cập nhật thông tin về việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ đó trên hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính và đồng bộ với Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý để người vi phạm, chủ phương tiện (đối với giấy tờ của chủ phương tiện) biết, chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông hàng hải, phục vụ các lực lượng chức năng có thẩm quyền kiểm tra, xử lý vi phạm;

b) Giấy tờ đã có thông tin bị tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý thì người có thẩm quyền trả lại giấy tờ cho người bị xử phạt theo quy định; hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính thực hiện đồng bộ thông tin với Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý để gỡ bỏ nội dung thông tin về việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ đó;

c) Người có thẩm quyền xử phạt tra cứu biên lai điện tử thu tiền xử phạt vi phạm hành chính được hệ thống công dịch vụ công gửi về để in, lưu hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và làm căn cứ trả lại giấy tờ bị tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng, gỡ bỏ nội dung thông tin về việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an theo quy định tại điểm b khoản này;

d) Các loại biên bản, quyết định của người có thẩm quyền trong việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng, trả lại giấy tờ được thực hiện theo quy định của pháp luật và được lập, gửi bằng phương thức điện tử trên Ứng dụng định danh

quốc gia, ứng dụng, hệ thống thông tin điện tử khác khi đủ điều kiện kỹ thuật thực hiện.

3. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm trong việc bảo mật thông tin, dữ liệu cá nhân của người vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Việc xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử đối với các hành vi quy định tại Nghị định này được thực hiện khi bảo đảm điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.”.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều 60

“Điều 60. Thẩm quyền của Thanh tra, kiểm tra

1. Thanh tra viên của Thanh tra Hàng hải Việt Nam đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng.

2. Trưởng đoàn thanh tra của Thanh tra Hàng hải Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra Hàng hải Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

4. Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thành lập có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

5. Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Xây dựng thành lập có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.”.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều 61

“Điều 61. Thẩm quyền của Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải

- 1. Trưởng đại diện Cảng vụ hàng hải có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
 - c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
 - d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng;
 - đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

2. Chi cục trưởng Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc, Chi cục trưởng Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Nam, Giám đốc Cảng vụ hàng hải có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.”.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều 62

“Điều 62. Thẩm quyền của Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có quyền:

1. Phạt cảnh cáo.
2. Phạt tiền đến 100.000.000 đồng.
3. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.
4. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.
5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.”.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều 64

“Điều 64. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân

1. Chiến sỹ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng.
2. Trưởng đồn Công an, Thủy đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không quá 60.000.000 đồng;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

4. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo; Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn tuyên truyền, điều tra, giải quyết tai nạn giao thông; Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt; Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên đường thủy, Thủy đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm: Trưởng phòng Công tác phòng cháy, Trưởng phòng Thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, Trưởng phòng Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý khoa học - công nghệ và kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát Giao thông; Trưởng phòng cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường; Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng An ninh kinh tế có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

7. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân

a) Chiến sỹ Công an nhân dân đang thi hành công vụ xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính của phương tiện thủy nội địa hoạt động trong vùng nước cảng biển hoặc ngoài vùng nước cảng biển nơi phương tiện thủy nội địa được phép hoạt động có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành

mình quản lý theo thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13; khoản 1, khoản 2 Điều 28; khoản 1, khoản 2 Điều 30; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 33 Nghị định này;

b) Trưởng đồn Công an, Thủy đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính của phương tiện thủy nội địa hoạt động trong vùng nước cảng biển hoặc ngoài vùng nước cảng biển nơi phương tiện thủy nội địa được phép hoạt động có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý theo thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm d, điểm e, điểm g khoản 2 Điều 12; Điều 13; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 28; Điều 30; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 33 Nghị định này;

c) Trưởng Công an cấp xã xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính của phương tiện thủy nội địa hoạt động trong vùng nước cảng biển hoặc ngoài vùng nước cảng biển nơi phương tiện thủy nội địa được phép hoạt động có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý theo thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm d, điểm e, điểm g khoản 2 Điều 12; Điều 13; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 28; Điều 30; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 10 Điều 33 Nghị định này;

d) Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo; Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn tuyên truyền, điều tra, giải quyết tai nạn giao thông; Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt; Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên đường thủy, Thủy đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm: Trưởng phòng Công tác phòng cháy, Trưởng phòng Thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, Trưởng phòng Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý khoa học - công nghệ và kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát Giao thông; Trưởng phòng cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường; Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng An ninh kinh tế xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính của phương tiện thủy nội địa hoạt động trong vùng nước cảng biển hoặc ngoài vùng nước cảng biển nơi phương tiện thủy nội địa được phép hoạt động có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý theo thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm d, điểm e, điểm g khoản 2 Điều 12; Điều 13; Điều 28; Điều 30; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 10 Điều 33 Nghị định này;

đ) Giám đốc Công an cấp tỉnh xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính của phương tiện thủy nội địa hoạt động trong vùng nước cảng biển hoặc ngoài vùng nước cảng biển nơi phương tiện thủy nội địa được phép hoạt động có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý theo thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm d, điểm e và điểm g khoản 2 Điều 12; Điều 13; Điều 28; Điều 30; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 10 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 58đ Nghị định này;

e) Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính của phương tiện thủy nội địa hoạt động trong vùng nước cảng biển hoặc ngoài vùng nước cảng biển nơi phương tiện thủy nội địa được phép hoạt động có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý theo thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm d, điểm e và điểm g khoản 2 Điều 12; Điều 13; Điều 28; Điều 30; khoản 1 và khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 10 Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 58đ Nghị định này.”.

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều 65

“Điều 65. Thẩm quyền của lực lượng Bộ đội Biên phòng

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 60.000.000 đồng;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;

- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

7. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội Biên phòng

a) Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 33; khoản 1, khoản 2 Điều 34; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 42; khoản 1, khoản 2 Điều 58l Nghị định này;

b) Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 32; khoản 1, khoản 3, điểm e khoản 5 Điều 33; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 34; khoản 1, khoản 2 Điều 36; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 42; khoản 1, khoản 2 Điều 58l của Nghị định này;

c) Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 32; khoản 1, khoản 3, điểm e khoản 5 Điều 33; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 34; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 42; khoản 1, khoản 2 Điều 58l Nghị định này;

d) Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 12; khoản 1, khoản 2, điểm a, điểm b, điểm đ, điểm e khoản 3; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 32; khoản 1, khoản 3, điểm e khoản 5, điểm a, điểm b, điểm c khoản 10 Điều 33; Điều 34; khoản 1, khoản 2, khoản 3, điểm a, điểm b, điểm c khoản 4, khoản 5, khoản 6, điểm a, điểm b, điểm c khoản 7, điểm a khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 36; khoản 1, khoản 2, điểm a, điểm b khoản 3 Điều 37; Điều 40; khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 42; điểm a, điểm b khoản 1, điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 58b; khoản 1 Điều 58g; Điều 58l Nghị định này;

đ) Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 12; khoản 1, khoản 2, điểm a, điểm đ, điểm e khoản 3, điểm a, điểm b, điểm c khoản 5 Điều 32; khoản 1, khoản 3, điểm e

khoản 5 và khoản 10 Điều 33; Điều 34; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, điểm a, điểm b khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, điểm a khoản 12 Điều 36; khoản 1, khoản 2, điểm a, điểm b, điểm c khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 37; Điều 40; khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 42; điểm a, điểm b khoản 1, điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 58b; Điều 58g; Điều 58l Nghị định này;

e) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 12; khoản 3, khoản 4 Điều 19; khoản 1, khoản 2, điểm a, điểm đ, điểm e khoản 3, khoản 5, khoản 6 Điều 32; khoản 1, khoản 3, điểm e khoản 5 và khoản 10 Điều 33; Điều 34; Điều 36; Điều 37; Điều 40; khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 42; điểm a, điểm b khoản 1, điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 58b; điểm a khoản 1 Điều 58đ; Điều 58g; Điều 58l Nghị định này.”.

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều 66

“Điều 66. Thẩm quyền của lực lượng Cảnh sát biển

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 40.000.000 đồng.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 60.000.000 đồng;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

8. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển

a) Cảnh sát viên Cảnh sát biển xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính phát hiện ngoài vùng nước cảng biển có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý được quy định tại khoản 3 Điều 33; khoản 1, khoản 2 Điều 34; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 42 Nghị định này;

b) Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính phát hiện ngoài vùng nước cảng biển có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý được quy định tại khoản 3, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm k, điểm l, điểm m khoản 4, điểm e khoản 5 Điều 33; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 34; khoản 1, khoản 2 Điều 36; khoản 1 Điều 37; khoản 1, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 42 Nghị định này;

c) Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính phát hiện ngoài vùng nước cảng biển có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý được quy định tại khoản 3, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm k, điểm l, điểm m khoản 4, điểm e khoản 5, khoản 6 Điều 33; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 34; khoản 1, khoản 2, khoản 3, điểm a, điểm b khoản 4 Điều 36; khoản 1 Điều 37; điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 40; khoản 1, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 42 Nghị định này;

d) Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính phát hiện ngoài vùng nước cảng biển có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý được quy định tại khoản 3, khoản 4, điểm e khoản 5, khoản 6 Điều 33; Điều 34; khoản 1, khoản 2, khoản 3, điểm a, điểm b, điểm c khoản 4, khoản 5, khoản 6, điểm a, điểm b khoản 7, điểm a khoản 8, Điều 36; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 37; Điều 40; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 42; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 58b; khoản 1 Điều 58g Nghị định này;

đ) Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Cảnh sát biển Việt Nam xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính phát hiện ngoài vùng nước cảng biển có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý được quy định tại khoản 3, khoản 4, điểm e khoản 5, khoản 6 Điều 33; Điều 34; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, điểm a, điểm b khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, điểm a khoản 12 Điều 36; khoản 1, khoản 2, điểm a, điểm b, điểm c khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 37; Điều 40; Điều 42; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 58b; Điều 58g Nghị định này;

e) Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính phát hiện ngoài vùng nước cảng biển có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý được quy định tại khoản 3, khoản 4, điểm e khoản 5, khoản 6 Điều 33; Điều 34; Điều 36; Điều 37; Điều 40; Điều 42; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 58b; Điều 58g Nghị định này;

g) Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính phát hiện ngoài vùng nước cảng biển có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý được quy định tại khoản 3, khoản 4, điểm e khoản 5 và khoản 6 Điều 33; Điều 34; Điều 36; Điều 37; Điều 40, Điều 42; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 58b; điểm a khoản 1 Điều 58đ, Điều 58g Nghị định này.”.

Điều 29. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại Nghị định số 142/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP)

1. Bổ sung cụm từ “, phương tiện thủy nội địa” vào sau cụm từ “chuyển ngay cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khi tàu biển” tại Điều 59.

2. Thay thế cụm từ “Cục Hàng hải Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam” tại điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm c khoản 1 Điều 21.

3. Thay thế cụm từ “Vi phạm quy định về sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển và điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển” bằng cụm từ “Vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển” tại tên của Điều 20.

4. Thay thế từ “và” bằng từ “hoặc” tại điểm c khoản 1 Điều 45.

5. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” thành “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm a, điểm d khoản 4 Điều 57.

6. Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng” tại điểm b, điểm c khoản 9 Điều 57.

7. Bãi bỏ cụm từ “nội thủy, lãnh hải” tại khoản 2 Điều 2.

8. Bãi bỏ cụm từ “phương án bảo đảm an toàn giao thông” tại các điểm đ khoản 2, điểm c khoản 3, điểm c khoản 5, điểm c khoản 7, điểm h khoản 8 Điều 12.

9. Bãi bỏ cụm từ “tại các điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định” tại khoản 5 Điều 63.

Điều 30. Bãi bỏ Điều 14; Điều 17; khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 20

Chương II
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ
139/2021/NĐ-CP NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021 CỦA CHÍNH PHỦ
QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 1

“a) Hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả;”.

Điều 32. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4

“4. Ngoài các hình thức xử phạt được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa còn phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Chương II Nghị định này, bao gồm:

a) Buộc phá dỡ nhà, nhà nổi, công trình, thiết bị, báo hiệu, thanh thải vật chướng ngại vi phạm;

b) Buộc trục vớt, thanh thải vật chướng ngại theo quy định;

c) Buộc di chuyển súc vật, phương tiện, cây, đồ vật, lều, quán, tre, gỗ vi phạm;

d) Buộc dỡ bỏ, di dời, thu hẹp ngư cụ, dụng cụ khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản vi phạm;

đ) Buộc thực hiện đăng kiểm theo quy định đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm tự ý hoán cải; trường hợp phần hoán cải được cơ quan đăng kiểm kiểm tra không thỏa mãn yêu cầu kỹ thuật theo quy định thì buộc phải phá dỡ;

e) Buộc nộp lại các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động đã bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động này;

g) Buộc đưa hành khách, xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô, hàng hóa vượt quá số lượng, sức chở hoặc không được phép chở lên khỏi phương tiện;

h) Buộc xếp hàng hóa theo đúng quy định;

i) Buộc trang bị đủ áo phao hoặc dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân; thiết bị, dụng cụ an toàn, dụng cụ cứu đuối, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, dụng cụ neo đậu, dụng cụ liên kết phương tiện theo quy định.”.

Điều 33. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4

“Điều 4a. Thi hành các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả

1. Việc thi hành các hình thức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có) để thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật và phải chịu mọi chi phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đó.

3. Đối với biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động đã bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung, cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động đã bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung theo quy định tại Điều 85 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Người có thẩm quyền ra quyết định thi hành biện pháp khắc phục hậu quả chuyển giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động đã bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hoạt động đó.”.

Điều 34. Sửa đổi, bổ sung Điều 15

“Điều 15. Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động của phương tiện

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không kê, sơn, gắn số đăng ký hoặc kê, sơn, gắn số đăng ký của phương tiện không đúng quy định hoặc số đăng ký phương tiện bị che khuất, bong tróc, mất dấu;

b) Không kê, sơn, gắn vạch dấu mớn nước an toàn (dấu mạn khô) của phương tiện hoặc kê, sơn, gắn vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện không đúng theo quy định hoặc vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện bị che khuất, bong tróc, mất dấu;

c) Không kê, sơn, gắn biển ghi số người hoặc kê, sơn, gắn biển ghi số người được phép chở trên phương tiện không đúng quy định hoặc biển ghi số người bị che khuất, bong tróc, mất dấu;

d) Khai thác, sử dụng phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc sức chở dưới 5 người hoặc bè không bảo đảm điều kiện an toàn theo quy định.

2. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo quy định; sử dụng giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị tẩy, xóa, sửa chữa hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Không đăng ký lại phương tiện theo quy định hoặc không khai báo để xóa tên phương tiện hoặc khai báo không đúng sự thật để đăng ký phương tiện theo quy định.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sau đây, áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người:

Không khai báo để xóa tên phương tiện hoặc khai báo không đúng sự thật để đăng kiểm phương tiện theo quy định.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây, áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến dưới 250 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến dưới 50 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 135 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người:

a) Vi phạm hành vi quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Không có sổ danh bạ thuyền viên theo quy định.

5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây, áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 250 tấn đến 1.000 tấn hoặc có sức chở từ 50 người đến 150 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 135 sức ngựa đến 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng đến 500 m³/h, tàu cần cầu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng đến 50 tấn:

a) Vi phạm hành vi quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Không có sổ danh bạ thuyền viên theo quy định;

c) Không có sổ nhật ký phương tiện theo quy định.

6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây, áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn hoặc có sức chở trên 150 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 150 người;

tàu cuốc, tàu hút có sản lượng trên 500 m³/h, tàu cần cầu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng trên 50 tấn:

- a) Vi phạm hành vi quy định tại khoản 3 Điều này;
- b) Không có sổ danh bạ thuyền viên theo quy định;
- c) Không có sổ nhật ký phương tiện theo quy định.

7. Xử phạt vi phạm hành chính đối với mỗi hành vi vi phạm: Không có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện theo quy định; mượn, thuê, cho mượn, cho thuê thiết bị, dụng cụ để được đăng kiểm; sử dụng Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hết hiệu lực hoặc bị tẩy, xóa, sửa chữa hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 5 người đến 12 người;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn đến dưới 250 tấn hoặc có sức chở trên 12 người đến dưới 50 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa đến 135 sức ngựa hoặc có sức chở trên 12 người đến 50 người;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 250 tấn đến 1.000 tấn hoặc có sức chở từ 50 người đến 150 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 135 sức ngựa đến 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 50 người đến 150 người; tàu cuốc, tàu hút có sản lượng đến 500 m³/h, tàu cần cầu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng đến 50 tấn;

d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn hoặc có sức chở trên 150 người; phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 750 sức ngựa hoặc có sức chở trên 150 người tàu cuốc, tàu hút có sản lượng trên 500 m³/h, tàu cần cầu lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng trên 50 tấn.

8. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường không do cơ quan có thẩm quyền cấp quy định tại điểm a khoản 2, khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đã bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp các loại giấy này.”.

Điều 35. Bổ sung khoản 7 Điều 16

“7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trang bị đủ áo phao hoặc dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc trang bị đủ số lượng, chủng loại thiết bị, dụng cụ an toàn (trừ áo phao và dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân), dụng cụ cứu đuối, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, dụng cụ neo đậu, dụng cụ liên kết phương tiện theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.”.

Điều 36. Sửa đổi, bổ sung Điều 21

“Điều 21. Vi phạm quy định về trách nhiệm, điều kiện của thuyền viên, người lái phương tiện

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Thuyền trưởng không trực tiếp bàn giao nhiệm vụ cho thuyền phó hoặc người được ủy quyền khi rời phương tiện;

b) Thuyền trưởng không bố trí thuyền viên trông coi phương tiện khi phương tiện neo đậu hoặc không bố trí người cảnh giới khi phương tiện hành trình trong điều kiện tầm nhìn bị hạn chế;

c) Thuyền viên được bố trí trông coi phương tiện khi phương tiện neo đậu mà không có mặt trên phương tiện hoặc không thực hiện trông coi phương tiện theo quy định;

d) Thuyền viên không có mặt trên phương tiện trong ca làm việc theo quy định khi phương tiện đang hành trình;

đ) Không thông báo cho Cảng vụ (nơi cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu) về sự thay đổi thuyền viên khi phương tiện rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu;

e) Không có hoặc không ghi bảng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng chức danh trên phương tiện.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đủ điều kiện về sức khỏe, tuổi khi điều khiển hoặc lái phương tiện;

b) Thuyền trưởng không trực tiếp điều khiển phương tiện khi qua cầu, âu tàu, ra, vào cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và các trường hợp khác theo quy định;

c) Thuyền viên không phải là thuyền trưởng mà trực tiếp điều khiển phương tiện khi qua cầu, âu tàu, ra, vào cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu hoặc trong các trường hợp khác theo quy định thuyền trưởng phải trực tiếp điều khiển phương tiện;

d) Nhận, sử dụng phương tiện không đảm bảo điều kiện hoạt động hoặc không đủ định biên theo quy định;

đ) Nhận, sử dụng thuyền viên làm việc trên phương tiện không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định;

e) Bố trí chức danh thuyền viên không phù hợp với giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên;

g) Không xuất trình được bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoặc bản sao có chứng thực và giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực (đối với trường hợp phương tiện thế chấp) theo quy định;

h) Không xuất trình được Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện theo quy định;

i) Không ghi chép đầy đủ sổ nhật ký phương tiện theo quy định.

3. Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện đang trong ca trực mà có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/01 lít khí thở;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/01 lít khí thở;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/01 lít khí thở;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi của thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện mà trong cơ thể có chất ma túy hoặc chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn từ 02 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c, điểm d khoản 3 Điều này.”.

Điều 37. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 26

“3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng áp dụng đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 50 sức ngựa trở lên, phương tiện có tốc độ trên 30 km/h, phương tiện có động cơ chở khách, phương tiện đưa đón hoa tiêu, phương tiện thực hiện nhiệm vụ trên luồng, tàu cá, phương tiện chở hàng nguy hiểm, phương tiện chở người, động vật bị dịch bệnh, đoàn lai hoặc phương tiện đang bị mắc cạn trên luồng vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.”.

Điều 38. Sửa đổi, bổ sung Điều 30

“Điều 30. Vi phạm quy định về đón trả hành khách, xếp, dỡ hàng hóa của người quản lý khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với người quản lý khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu để phương tiện vi phạm quy định về đón trả hành khách, xếp, dỡ hàng hóa tại cảng, bến thủy nội địa như sau:

a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi để mỗi hành khách xuống phương tiện vượt quá sức chở của phương tiện;

b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi xếp mỗi xe mô tô, xe gắn máy xuống phương tiện vượt quá số lượng xe mô tô, xe gắn máy được phép chở theo quy định;

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi xếp mỗi xe ô tô xuống phương tiện vượt quá số lượng xe ô tô được phép chở theo quy định;

d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xếp hàng hóa xuống mỗi phương tiện quá vạch dấu mớn nước an toàn đến 1/5 chiều cao mạn khô;

đ) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi xếp hàng hóa xuống mỗi phương tiện vượt quá vạch dấu mớn nước an toàn trong khoảng từ trên 1/5 đến 1/2 chiều cao mạn khô;

e) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xếp mỗi ô tô xuống phương tiện không được phép chở ô tô;

g) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi xếp hàng hóa xuống mỗi phương tiện vượt quá vạch dấu mốc nước an toàn trên 1/2 chiều cao mạn khô.

2. Xử phạt đối với hành vi xếp hàng hóa lên xe ô tô trong vùng đất cảng, bến thủy nội địa vượt tải trọng được phép chở như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe từ trên 10% đến 50% ra khỏi cảng, bến thủy nội địa (trừ xe xi téc chở chất lỏng), trên 20% đến 50% đối với xe xi téc chở chất lỏng;

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe từ trên 50% đến 100%;

c) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 100%;

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm chất xếp hàng siêu trường, siêu trọng lên phương tiện không có Giấy phép lưu hành, Giấy phép lưu hành hết hạn sử dụng hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức cho phương tiện vào neo đậu, xếp, dỡ hàng hóa, đón, trả hành khách tại các vị trí chưa được công bố, cấp phép hoạt động cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc đưa hành khách, xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô, hàng hóa vượt quá số lượng, sức chở hoặc không được phép chở rời khỏi phương tiện đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.”.

Điều 39. Bổ sung điểm g vào sau điểm e khoản 1 Điều 36

“g) Thuyền viên, người điều khiển phương tiện không được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định.”.

Điều 40. Sửa đổi, bổ sung Điều 41

“Điều 41. Vi phạm quy định khi có hoạt động kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc báo cáo, kê khai, khai báo hoặc báo cáo, kê khai, khai báo không trung thực, không đúng thời hạn theo yêu cầu của người thi hành công vụ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không chấp hành yêu cầu về kiểm tra, kiểm soát của người có thẩm quyền;

b) Cố tình không dừng phương tiện để kiểm tra, kiểm soát theo hiệu lệnh của người có thẩm quyền;

c) Không xuất trình hoặc cố tình trì hoãn, kéo dài việc xuất trình giấy tờ của phương tiện, của thuyền viên hoặc người lái phương tiện, hàng hóa khi có yêu cầu kiểm tra của người có thẩm quyền;

d) Không đưa hoặc cố tình trì hoãn, kéo dài thời gian đưa phương tiện về nơi xử lý vi phạm theo yêu cầu của người có thẩm quyền;

đ) Có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người có thẩm quyền nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Xúi giục, lôi kéo hoặc kích động người khác không chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát của người có thẩm quyền;

g) Tự ý tháo gỡ niêm phong tài liệu, tang vật, phương tiện, nhà kho, trang thiết bị vi phạm đang bị niêm phong; tạm giữ hoặc tẩu tán tài liệu, tang vật vi phạm, tự ý làm thay đổi hiện trường vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung và yêu cầu trong kết luận kiểm tra trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

b) Dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để chống người có thẩm quyền nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Gây thiệt hại về tài sản, phương tiện của cơ quan nhà nước, của người có thẩm quyền;

d) Đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác cho người có thẩm quyền để trốn tránh việc xử lý vi phạm hành chính.”.

Điều 41. Sửa đổi, bổ sung Điều 42

“Điều 42. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này trong phạm vi quản lý của địa phương mình.

2. Lực lượng Công an nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm được giao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm, khoản, điều của Nghị định này, cụ thể như sau:

a) Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18;

b) Khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 19;

c) Điều 20; Điều 21; Điều 22; khoản 1 Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26;

d) Điểm c khoản 1 Điều 27; điểm e khoản 1 Điều 28; điểm e khoản 1 và khoản 7 Điều 29; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 30;

đ) Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41.

3. Cảng vụ Đường thủy nội địa có quyền xử phạt vi phạm hành chính

a) Đối với các hành vi vi phạm tại các khoản, điều của Nghị định này và các hành vi vi phạm của tàu biển, tàu cá quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định này xảy ra tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, tuyến, luồng được giao quản lý, cụ thể như sau:

Điều 5; Điều 6; khoản 1, khoản 2 Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 19; Điều 20; Điều 21; Điều 22; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 23; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 24; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5

Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41;

b) Hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều 30; khoản 6 Điều 35 Nghị định này.

4. Cảng vụ Hàng hải có quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về quản lý, khai thác cảng, bến thủy nội địa; phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện; xếp, dỡ hàng hóa, đón trả hành khách quy định tại Nghị định này trong vùng nước cảng biển và khu vực được giao quản lý cụ thể như sau:

Điều 5; Điều 6; khoản 1, khoản 2 Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 19; Điều 20; Điều 21; Điều 22; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 23; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 24; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 25; Điều 26; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41.

5. Bộ đội Biên phòng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm được giao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm, khoản, điều của Nghị định này, cụ thể như sau:

a) Điều 5; Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; khoản 3 Điều 19; Điều 20; Điều 21; Điều 22; khoản 1 Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26;

b) Khoản 3 Điều 30; khoản 1 Điều 31;

c) Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 40 và Điều 41.

6. Cảnh sát biển trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm được giao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm, khoản, điều của Nghị định này, cụ thể như sau:

a) Điều 5; Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 24; Điều 25; Điều 26;

b) Khoản 1 Điều 31;

c) Điều 32; Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 40 và Điều 41.

7. Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Xây dựng thành lập; Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm được giao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các

hành vi vi phạm quy định từ Điều 5 đến Điều 41 tại Chương II của Nghị định này.

8. Giám đốc sở, Chánh Thanh tra Hàng hải Việt Nam, Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thành lập trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm được giao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản, điều của Nghị định này, cụ thể như sau:

- a) Điều 5; Điều 6;
- b) Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 7;
- c) Điều 8; Điều 9; Điều 10;
- d) Khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 11;
- đ) Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17;
- e) Khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 19;
- g) Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23;
- h) Khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 24; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 25; Điều 26; Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30; Điều 31; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 32;
- i) Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41.

9. Chi cục trưởng Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc, Chi cục trưởng Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm được giao có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản, điều của Nghị định này cụ thể như sau:

- a) Điều 5; Điều 6;
- b) Khoản 1, khoản 2 Điều 7;
- c) Điều 8; Điều 9; Điều 10;
- d) Khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 11;
- đ) Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17;
- e) Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 19;
- g) Điều 20; Điều 21; Điều 22;

h) Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 23; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 24; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 25; Điều 26; khoản 3 Điều 30; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 32;

i) Điều 33; Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41.”.

Điều 42. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 43

“1. Những người sau đây có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa:

a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 42 Nghị định này;

b) Công chức, viên chức, thành viên đoàn kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ;

c) Công chức, viên chức Cảnh vụ Đường thủy nội địa, Cảnh vụ Hàng hải.”.

Điều 43. Sửa đổi, bổ sung Điều 44

“Điều 44. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.”.

Điều 44. Bổ sung Điều 44a vào sau Điều 44

“Điều 44a. Thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực và một số chức danh khác

1. Chi cục trưởng Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc, Chi cục trưởng Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Nam theo phạm vi, địa bàn được giao quản lý có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

2. Giám đốc Sở, Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thành lập có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Trưởng Đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Xây dựng thành lập có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.”.

Điều 45. Bổ sung Điều 44b vào sau Điều 44a

“Điều 44b. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Hàng hải Việt Nam

1. Thanh tra viên Thanh tra Hàng hải Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 15.000.000 đồng.

2. Chánh Thanh tra Hàng hải Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.”.

Điều 46. Sửa đổi, bổ sung Điều 45

“Điều 45. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 15.000.000 đồng.

2. Trưởng đồn Công an, Thủ đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 22.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 45.000.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

4. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn tuyên truyền, điều tra, giải quyết tai nạn giao thông, Trưởng phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện, Trưởng phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông, Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên đường thủy, Trưởng phòng Quản lý, khai thác, xử lý, vận hành dữ liệu và chuyển đổi số, Thủy đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, gồm: Trưởng phòng công tác phòng cháy, chữa cháy, Trưởng phòng thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, Trưởng phòng công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý khoa học - công nghệ và kiểm tra phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông; Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; Cục trưởng Cục An ninh kinh tế; Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường; Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.”.

Điều 47. Sửa đổi, bổ sung Điều 47

“Điều 47. Thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ Hàng hải và Cảng vụ Đường thủy nội địa

1. Trưởng đại diện Cảng vụ Hàng hải và Trưởng đại diện Cảng vụ Đường thủy nội địa có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 18.750.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 37.500.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

2. Giám đốc Cảng vụ Hàng hải và Giám đốc Cảng vụ Đường thủy nội địa có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.”.

Điều 48. Sửa đổi, bổ sung Điều 49

“Điều 49. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 3.750.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 7.500.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 15.000.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 11.250.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 22.500.000 đồng.

4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 22.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 45.000.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.”.

Điều 49. Sửa đổi, bổ sung Điều 50

“Điều 50. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 3.750.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 7.500.000 đồng.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 15.000.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 30.000.000 đồng.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 22.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 45.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 75.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.”.

Điều 50. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 55

“1. Trường hợp tại thời điểm kiểm tra, chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện không xuất trình được các loại giấy tờ theo quy định (bản giấy hoặc bản điện tử trên cơ sở dữ liệu quốc gia, bộ, ngành chuyên môn) như: bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký phương tiện và giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực (đối với trường hợp phương tiện được thế chấp); giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện; giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn; các giấy tờ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là giấy tờ) thì người có thẩm quyền lập biên bản về hành vi không có giấy tờ. Trong thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu người vi phạm xuất trình được bản chính các giấy tờ hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, kèm theo bản gốc Giấy biên nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực trong trường hợp phương tiện là tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thì người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt về hành vi không mang theo giấy tờ và phải lưu lại bản sao giấy tờ đó trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.”.

Điều 51. Bổ sung Điều 56a vào sau Điều 56

“Điều 56a. Kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử

1. Khi thông tin của các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Nghị định này đã được tích hợp, cập nhật trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, trong cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý thì thực hiện việc kiểm tra thông qua thông tin trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia,

cơ sở dữ liệu; việc kiểm tra thông tin của giấy tờ trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu có giá trị như kiểm tra bản chính giấy tờ đó.

2. Tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ

a) Khi tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ, người có thẩm quyền thực hiện việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ trên môi trường điện tử, cập nhật thông tin về việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ đó trên hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính và đồng bộ với Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý để người vi phạm, chủ phương tiện (đối với giấy tờ của chủ phương tiện) biết, chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa, phục vụ các lực lượng chức năng có thẩm quyền kiểm tra, xử lý vi phạm;

b) Giấy tờ đã có thông tin bị tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý thì người có thẩm quyền trả lại giấy tờ cho người bị xử phạt theo quy định; hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính thực hiện đồng bộ thông tin với Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý để gỡ bỏ nội dung thông tin về việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ đó;

c) Người có thẩm quyền xử phạt tra cứu biên lai điện tử thu tiền xử phạt vi phạm hành chính được hệ thống công dịch vụ công gửi về để in, lưu hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và làm căn cứ trả lại giấy tờ bị tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng, gỡ bỏ nội dung thông tin về việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý theo quy định tại điểm b khoản này;

d) Các loại biên bản, quyết định của người có thẩm quyền trong việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng, trả lại giấy tờ được thực hiện theo quy định của pháp luật và được lập, gửi bằng phương thức điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, ứng dụng, hệ thống thông tin điện tử khác khi đủ điều kiện kỹ thuật thực hiện.

3. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm trong việc bảo mật thông tin, dữ liệu cá nhân của người vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Việc xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử đối với các hành vi quy định tại Nghị định này được thực hiện khi bảo đảm điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.”.

Điều 52. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại Nghị định số 139/2021/NĐ-CP

1. Bổ sung cụm từ “đoàn lai có tổng trọng tải toàn phần của các phương tiện bị lai đến 1.000 tấn” vào trước cụm từ “tàu cuốn, tàu hút” tại điểm c khoản 6 Điều 31 và cụm từ “đoàn lai có tổng trọng tải toàn phần của các phương tiện bị lai trên 1.000 tấn” vào trước cụm từ “tàu cuốn, tàu hút” tại điểm d khoản 6 Điều 31.

2. Bổ sung cụm từ “, điểm c, điểm d khoản 6 Điều 31” vào trước cụm từ “và Điều 38 Nghị định này” tại khoản 2 Điều 53; bổ sung cụm từ “vi phạm như phương tiện không có động cơ” vào trước cụm từ “căn cứ trọng tải toàn phần của phương tiện, công thức như sau:” tại khoản 3 Điều 53.

3. Thay thế cụm từ “Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng” bằng cụm từ “Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng” tại khoản 3 Điều 27; thay thế cụm từ “Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng” bằng cụm từ “Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng” tại khoản 4 Điều 27; thay thế cụm từ “Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng” bằng cụm từ “Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng” tại khoản 5 Điều 27.

4. Thay thế cụm từ “Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng” bằng cụm từ “Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng” tại khoản 5 Điều 28; thay thế cụm từ “Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng” bằng cụm từ “Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng” tại khoản 6 Điều 28.

5. Thay thế cụm từ “Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng” bằng cụm từ “Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng” tại khoản 4 Điều 29; thay thế cụm từ “Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng” bằng cụm từ “Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng” tại khoản 5 Điều 29; thay thế cụm từ “Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng” bằng cụm từ “Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng” tại khoản 6 Điều 29.

6. Bãi bỏ cụm từ “khoản 1” tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 16; cụm từ “, Cảnh vụ” tại khoản 1 Điều 24; cụm từ “THANH TRA,” tại Mục 7 Chương II; cụm từ “thanh tra,” tại Điều 41.

Điều 53. Bãi bỏ Điều 46; Điều 48.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Điều khoản thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2026.

Điều 55. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trần Hồng Hà